

Số: **38** /KH-UBND

Lơ Ku, ngày **18** tháng 02 năm 2022

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện chương trình xây dựng
làng Đăkjông làng NTM năm 2022

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch:

- Căn cứ Nghị Quyết số 09-NQ/ĐU ngày 25/9/2021 của Đảng ủy xã Lơ Ku nhiệm kỳ 2020-2025 “Về tiếp tục thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã giai đoạn 2021-2025”;
- Căn cứ Đề án xây dựng Nông thôn mới xã Lơ Ku giai đoạn (2021-2025).
- Căn cứ Quyết Định số 135/QĐ-UBND ngày 24 tháng 1 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang về việc giao chỉ tiêu kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới năm 2022.

Thực hiện Công văn số 141/UBND-KT ngày 28/1/2022 Ủy ban nhân dân huyện Kbang V/v triển khai rà soát, xây dựng kế hoạch, giải pháp, phân đầu thực hiện hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch Chương trình nông thôn mới năm 2022.

UBND xã xây dựng Kế hoạch thực hiện hoàn thành chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng làng Đăkjông, làng nông thôn mới năm 2022, cụ thể như sau:

II. Mục đích, yêu cầu:

Mục đích:

Căn cứ Bộ tiêu chí về xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, dự thảo bộ tiêu chí xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của Trung ương để xây dựng kế hoạch và phân công cán bộ, công chức phụ trách từng chỉ tiêu, tiêu chí, thực hiện rà soát, đánh giá hiện trạng từng nội dung của 19 tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới.

- Bám sát vào mục tiêu kế hoạch đề ra, huy động mọi tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện các nội dung, giải pháp theo kế hoạch.

- Đảng ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể của xã, Ban phát triển làng Đăkjông tập trung chỉ đạo, triển khai đồng bộ các biện pháp, giải pháp tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của cán bộ và nhân dân, huy động, lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện hoàn thành mục tiêu đã đề ra.

- Phân đầu đạt chỉ tiêu, tiêu chí số 5 và số 13 trong dự thảo bộ tiêu chí xây dựng Nông thôn mới giai đoạn (2021 – 2025).

2. Yêu cầu:

Căn cứ Bộ tiêu chí về xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, dự thảo bộ tiêu chí xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của Trung ương để xây dựng kế hoạch và

phân công cán bộ, công chức phụ trách từng chỉ tiêu, tiêu chí, thực hiện rà soát, đánh giá hiện trạng từng nội dung của 19 tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới.

- Bám sát vào mục tiêu kế hoạch đề ra, huy động mọi tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện các nội dung, giải pháp theo kế hoạch.

- Đảng ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể của xã, Ban phát triển làng tập trung chỉ đạo, triển khai đồng bộ các biện pháp, giải pháp tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của cán bộ và nhân dân, huy động, lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện hoàn thành mục tiêu đã đề ra.

- Phân đầu đạt chỉ tiêu, tiêu chí số 1 và số 13 trong năm 2022.

III. KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG LÀNG ĐẮK KJÔNG LÀNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ.

1. Tiêu chí số 1 - Quy hoạch.

Hiện trạng:

Tại Quyết định số 1013/QQĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2019 quy hoạch chi tiết xây dựng làng nông thôn mới làng Đăkông xã Lơ Ku, huyện Kbang tỉnh Gia Lai.

+ Đã tiến hành cắm 13 mốc quy hoạch tại các vị trí quy hoạch mở rộng khu dân cư làng, nghĩa địa làng, nhà văn hóa làng.

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2019-2020: **Đạt.**

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2021-2025: **Đạt.**

2. Hạ tầng kinh tế-xã hội

Tiêu chí số 2. Giao thông:

Hiện trạng:

2.1. Đường từ trung tâm xã đến làng Nông thôn mới được nhựa hóa, bê tông hóa đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm.

Đường từ trung tâm xã đến làng có chiều dài 7,3 km được bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. *(Tỷ lệ nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 100%):*

2.2. Đường trục thôn, làng đường liên thôn được bê tông hóa, nhựa hóa ≥ 70 .

Đường trục làng được cứng hóa BTXM với tổng chiều dài 800/800m đạt 100%.

2.3. Đường nội thôn, làng phải sạch sẽ, không lầy lội vào mùa mưa, được cứng hóa và kết nối với đường trục xã.

- Đường nội làng được gắn với đường trục làng BTXM cứng hóa sạch sẽ, không lầy lội vào mùa mưa.

- Đường ra nghĩa địa làng được cứng hóa BTXM không lầy lội vào mùa mưa, được cứng hóa và kết nối với đường trục xã. có chiều dài 420/420m đạt 100%

2.4. Đường ra khu sản xuất đi lại thuận tiện, không lầy lội vào mùa mưa và được cứng hóa.

- Tổng số km đường trục chính nội đồng 3km, trong đó đã được cứng hóa BTXM 1km, còn lại 2km chưa được cứng hóa bằng đất cấp phối, so với tiêu chí đường ra khu sản xuất đạt tỷ lệ cứng hóa 100%. Tuy nhiên mùa mưa những tuyến đường này hệ thống mương thoát nước bị ứ đọng gây lầy lội và vận chuyển nông sản rất khó khăn về mùa mưa.

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2019-2020: **Đạt.**

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2021-2025: **Đạt.**

Giải pháp:

- Tiếp tục đăng ký chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025 và các chương trình khác để hoàn thành 2km còn lại.

Tiêu chí số 3. Thủy lợi:

Hiện trạng:

Nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn: các hộ dân trong thôn, làng đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn.

- + Về công tác tưới tiêu cho cây trồng: Đảm bảo tưới tiêu chủ động cho cây trồng
- + Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được tưới chủ động trên tổng diện tích gieo trồng của làng là 56/125 ha đạt 44,8%.

Giải pháp:

- Thường xuyên tổ chức nạo vét kênh bị bồi lắng để phục vụ sản xuất, kinh tế vườn hộ gia đình.

- Vận động nhân dân mua sắm trang bị hệ thống tưới tiêu phục vụ tưới tiêu cho cây trồng.

Tiêu chí số 4. Điện:

Tỷ lệ hộ trong thôn, làng được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện $\geq 98\%$.

Hiện trạng:

Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn: Tổng số 71/78 hộ chiếm tỷ lệ 91,02%. (Còn 7 hộ chưa được sử dụng nguồn điện an toàn do chưa được hạ thế để đảm bảo, duy trì nguồn điện).

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2019-2020: **Đạt.**

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2021-2025: **Đạt.**

Giải pháp:

- Thay thế các trụ điện kéo vào nhà dân để đảm bảo an toàn
- Phối hợp với trạm điện lực KBang rà soát, sắp xếp lại hệ thống đường điện kéo từ trạm hạ thế vào các hộ gia đình để đảm bảo an toàn khi sử dụng.

Tiêu chí số 5. Trường học:

Điểm trường mầm non, mẫu giáo trong thôn, làng có đầy đủ cơ sở ở vật chất và trang thiết bị dạy học theo đúng quy định. Có các công trình phụ trợ nhà vệ sinh, hệ thống nước, tường rào, cổng.

Hiện trạng:

Làng có 01 điểm trường mẫu giáo đảm bảo quy định dạy và học, Cơ sở vật chất trường mẫu giáo hiện có: 02 phòng, 01 lớp mẫu giáo; hiện trạng: có cổng trường, sân chơi chưa được kiên cố hóa bê tông xi măng, có hệ thống nước tự chảy nhưng không đảm bảo liên tục, có nhà vệ sinh, tường rào... Bàn ghế học sinh đầy đủ; thiết bị đồ dùng dạy học, được bố trí trang thiết bị dạy và học đúng quy định.

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2019-2020: **Đạt.**

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2021-2025: **Chưa đạt.**

Giải pháp:

- Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả điểm trường mầm non tại làng, bố trí kinh phí làm sân bê tông xi măng.

- Đề nghị phòng giáo dục huyện, trường Mẫu giáo xã Lơ Ku quan tâm đầu tư thêm cơ sở vật chất sân bê tông xi măng, trang thiết bị dạy và học cho điểm trường; bổ sung đồ chơi, dụng cụ học tập cho lớp mầm non.

Tiêu chí số 6. Cơ sở vật chất Văn hóa:

Thôn, làng phải có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phù hợp với thiết chế văn hóa truyền thống của từng dân tộc. nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao của thôn, làng phải có diện tích quy hoạch, quy mô xây dựng phù hợp; có hệ thống âm thanh, trang thiết bị, các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, hàng rào, cổng. Có Ban chủ nhiệm điều hành hoạt động, được nhà nước hỗ trợ kinh phí để tổ chức và duy trì thường xuyên, hoạt động văn hóa, thể thao theo quy định.

Hiện trạng:

- Diện tích nhà văn hóa làng: 80 m². Trong đó có 01 hội trường văn hóa với quy mô trên 50 chỗ ngồi, công trình phụ trợ gồm nhà vệ sinh, nhà để xe, vườn hoa; hàng rào cổng ngõ được đầu tư xây dựng. Sân làng văn hóa có diện tích 600m², ngoài ra có 01 sân bóng chuyền và sân chơi cầu lông.

+ Hội trường nhà văn hóa được trang bị bàn ghế, âm thanh, loa đài, bộ khánh tiết, ánh sáng đầy đủ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa; trang bị các dụng cụ thể dục, thể thao như: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, cờ tướng, cà kheo, dây gậy, ná...Ban chủ nhiệm điều hành hoạt động tại nhà văn hóa của làng, do đ/c trưởng làng làm trưởng Ban, được UBND xã hỗ trợ kinh phí để tổ chức và duy trì thường xuyên hoạt động văn hóa thể thao theo quy định.

- Trang thiết bị: nhà văn hóa làng Đăk Kjong được trang bị đầy đủ bộ âm, bộ trang trí khánh tiết, bàn ghế phục vụ cho sinh hoạt văn hóa. Một số dụng cụ thể thao truyền thống cũng được bố trí tại nhà văn hóa để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt văn hóa thể thao của nhân dân, như gậy đẩy, dây kéo co, cà kheo, ná

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2019-2020: **Đạt.**

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2021-2025: **Đạt.**

Giải pháp

+ Xây dựng khu thể thao của làng diện tích 600m² được đầu tư sân bê tông xi măng.

+ Xây dựng các công trình phụ trợ cho nhà văn hóa xã làm công trình nhà vệ sinh, nhà để xe, vườn hoa, cổng ngõ, tường rào.

+ Xây dựng khu vui chơi giải trí và bố trí các dụng cụ cần thiết đáp ứng nhu cầu vui chơi của trẻ em và người cao tuổi.

+ Thực hiện các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và phát động trong nhân dân duy trì và phát triển văn hóa, thể thao. Kiện toàn Ban chủ nhiệm điều hành hoạt động tại nhà văn hóa của làng.

Tiêu chí số 7. Cơ sở hạ tầng thương mại:

Thôn làng phải có ít nhất 01 điểm mua bán trao đổi hàng hóa. UBND cấp huyện quy định cụ thể về điểm mua bán trao đổi hàng hóa theo quy định để thực hiện trên địa bàn.

Hiện trạng:

Làng có một địa điểm tạp hóa cung cấp đầy đủ các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu với cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của dân làng. Ngoài ra còn có cá nhân làm dịch vụ ngoài địa bàn chuyên cung cấp các hòa hóa, nhu yếu phẩm để phục vụ nhân dân khi có yêu cầu. So với tiêu chí:

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2019-2020: **Đạt.**

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2021-2025: **Đạt.**

Tiêu chí số 8. Truyền thông và thông tin:

Hiện trạng:

8.1. Thôn, Làng được phủ sóng điện thoại và có thể truy cập Internet.

Hiện hệ thống viễn thông cố định mặt đất và mạng viễn thông di động mặt đất phủ sóng cho làng, đạt 100%, ước có 90% hộ dân sử dụng điện thoại và internet băng thông rộng (ADSL).

8.2. Có hệ thống loa phát thanh, tất cả các hộ gia đình có thể nghe được các nội dung phát thanh hàng ngày.

+ Hiện tại làng đã hệ thống loa phát thanh và đầu tư hệ thống loa đến tận làng thường xuyên truyền tải tin tức và các thông tin phục vụ nhân dân. (Theo hướng dẫn số 395/HD-STTTT, ngày 5/5/2017 của Sở Thông tin truyền thông Gia Lai.

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2019-2020: **Đạt.**

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2021-2025: **Đạt.**

Giải pháp:

- Phối hợp Viettel lắp đặt thêm trụ phát sóng nhằm đảm bảo độ phủ sóng điện thoại di động, kết nối hệ thống 3G truy cập Internet tốc độ cao.

- Rà soát, kiểm tra hệ thống phát thanh làng, để đảm bảo tất cả hộ gia đình có thể nghe nội dung phát thanh hàng ngày.

- Vận động nhân dân mua sắm trang bị thiết bị điện tử có thể truy cập **Internet** kịp thời nâng cấp, sửa chữa kịp thời cụm loa phát thanh tại làng để cung cấp thông tin kịp thời, thường xuyên cho người dân.

Tiêu chí số 9. Nhà ở và khuôn viên hộ gia đình:

Hiện trạng:

9.1. Trong thôn, làng không có nhà tạm, dột nát; hệ thống nhà ở trong thôn, làng phải đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung cứng, mái cứng), đảm bảo diện tích ở tối thiểu đạt 10 m2/ người trở lên, có các công trình phụ trợ như bếp, nhà vệ sinh,...được bố trí đảm bảo vệ sinh môi trường thuận tiện.

- Tổng số nhà tạm, dột nát: 0 nhà, 0%. Hiện tại làng có 78 ngôi nhà; trong đó đạt tiêu chuẩn 75 ngôi nhà đảm bảo diện tích tối thiểu đạt 10 m2/người trở lên; trong đó không đạt tiêu chuẩn 3 cứng còn 03 ngôi nhà.

Các công trình phụ trợ như bếp, nhà vệ sinh cần được nâng cấp, sửa chữa, đưa vào sử dụng.

9.2. Nhà ở, vườn hộ phải được bố trí ngăn nắp, khoa học. Vườn hộ phải được bố trí ngăn nắp, khoa học. Vườn hộ được trồng các loại cây có quả mang lại thu nhập cho người dân.

- Tổng số nhà có vườn hộ 78 nhà, đa số nhà ở của hộ dân trong làng được bố trí ngăn nắp, khoa học được phân thành lô, diện tích đất ở tối thiểu 400m2 chạy dọc 2 bên trục đường liên xã, liên làng. Vườn hộ chưa được bố trí ngăn nắp, cần sắp xếp lại các loại cây trồng cho phù hợp, đạt hiệu quả kinh tế.

9.3. Khuôn viên nơi ở của các hộ gia đình được chỉnh trang ngăn nắp, có cổng, ngõ, hàng rào; cải tạo vườn tạp, dọn cỏ dại quanh nhà, trồng cây xanh; thu gom chôn lấp rác thải, nước thải tạo cảnh quan môi trường nơi ở xanh-sạch-đẹp.

Tổng số hộ có hàng rào cổng ngõ 72/78 hộ, khuôn viên nơi ở của một số hộ gia đình cần được chỉnh trang ngăn nắp, sửa chữa, làm mới hàng rào, cổng ngõ, dọn vệ sinh xung quanh nhà, trồng thêm cây xanh.

9.4. Khuyến khích phát triển loại nhà ở truyền thống, kiến trúc nhà ở đặc thù của từng địa phương.

Làng thuộc diện tái định cư công trình thủy điện An Khê – Ka Nák được cấp nhà kiên cố hóa BTXM và được di dời lên nơi ở mới từ năm 2009. Tuy nhiên mẫu nhà được thiết kế theo mẫu nhà sàn và hầu hết các hộ đều làm thêm nhà sàn truyền thống ở phía sau để sinh hoạt theo phong tục của người Ba Nà. Trong những năm qua địa phương luôn tuyên truyền vận động nhân dân Khuyến khích phát triển loại nhà ở truyền thống để duy trì bản sắc văn hóa, phong tục của đồng bào dân tộc Bana.

9.5. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định của bộ xây dựng $\geq 75\%$.

Làng có 75/78 đạt 96,15% ngôi nhà ở đạt chuẩn theo quy định của bộ xây dựng.

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2019-2020: **Đạt.**

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2021-2025: **Chưa Đạt.**

Giải pháp:

Vận động, Hỗ trợ 3 hộ chưa đạt chuẩn nhà cấp IV (diện tích nhà ở tối thiểu là 10 m²/người, đảm bảo 3 cứng “cứng mái, cứng tường, cứng nền”. nguồn kinh phí huy động từ xã hội hóa, nhân dân đóng góp, vay vốn ngân hàng...

Vận động hơn 46 hộ thực hiện chỉnh trang nhà ở để đảm bảo đạt chuẩn theo quy định. Các công trình phụ trợ như nhà bếp, nhà vệ sinh cũng được chỉnh trang đảm bảo điều kiện nhu cầu cho người dân sử dụng. Trong làng không còn nhà tạm, nhà dột nát vận động nhân dân đảm bảo vệ sinh môi trường, sắp xếp lại vườn tược, trồng cây cho phù hợp đem lại hiệu quả kinh tế, khuôn viên hộ gia đình làm hàng rào, cổng ngõ, cải tạo vườn tạp, trồng rau xanh, mỗi hộ gia đình có hố thu gom rác thải, trồng cây xanh..

Tiêu chí số 10. Thu nhập: Giai đoạn 2021-2025 : 45 tr.đ/người/năm

Hiện trạng:

Thu nhập của nhân dân trong làng chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, trong đó trồng trọt là chủ yếu, chăn nuôi phát triển chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có của làng.

Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã đến cuối năm 2021: 28,0 triệu đồng/người/năm.

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2019-2020: **Đạt.**

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2021-2025: **Chưa Đạt.**

Nguyên nhân:

Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã cuối năm 2021 là 28,0 triệu đồng/người/năm. Chưa đạt chuẩn thu nhập theo Dự thảo bộ tiêu chí giai đoạn (2021-2025) quy định vùng Tây nguyên năm 2021 phải đạt 42 triệu đồng/người/năm. Năm 2022 phải đạt 45 triệu đồng/người/năm

Giải pháp:

Tập trung mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo cơ cấu kinh tế: Nông Lâm nghiệp, thủy sản - Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp – Thương mại Dịch vụ. Triển khai đồng bộ và có hiệu quả các dự án hỗ trợ PTSX liên kết theo chuỗi giá trị. Tập trung làm tốt công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo, tăng thu nhập người dân và góp phần cho việc xóa đói giảm nghèo. Đẩy mạnh công tác khuyến nông. Áp

dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đa dạng hóa các loại cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế; Thực hiện khoán bảo vệ rừng, tạo điều kiện cho các hộ khai thác lâm sản phụ dưới tán rừng; trồng một số cây dược liệu bản địa. Hỗ trợ và mở rộng, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức kinh tế hợp tác, các doanh nghiệp. Khuyến khích phát triển đa dạng các hình thức tổ chức sản xuất, kinh tế hộ, kinh tế trang trại.

11. Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo

Hiện trạng:

Tổng số hộ nghèo 30 hộ, tỷ lệ hộ nghèo: 38,46% (theo tiêu chí nghèo giai đoạn 2021-2025).

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2019-2020: **Đạt**.

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2021-2025: Chưa **Đạt**.

Nguyên nhân

Qua rà soát tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (giai đoạn 2021-2025) thì tỷ lệ hộ nghèo hiện nay chiếm 38,46% Chưa đạt theo quy định ($\leq 7\%$).

Giải pháp:

- Tập trung các nguồn vốn để hỗ trợ cho các hộ nghèo, cận nghèo, hộ đăng ký thoát nghèo có điều kiện phát triển kinh tế, đặc biệt đối với các hộ ít đất sản xuất khuyến khích các hộ kết hợp giữa trồng trọt và chăn nuôi, sẽ hỗ trợ về giống cây trồng, giống vật nuôi, vật tư phân bón.

Tổ chức các mô hình sản xuất thu hút nhân dân tham gia và nâng cao giá trị cây trồng trên một đơn vị diện tích như cánh đồng lớn sản xuất Mía, Mì; bắpmô hình trồng cỏ chăn nuôi Bò sinh sản;

Tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân biết cách tổ chức sản xuất có hiệu quả, chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện đất đai của từng hộ gia đình; chỉ đạo, hướng dẫn nhân dân sản xuất có hiệu quả diện tích các cánh đồng lúa nước đảm bảo 2 vụ, năng suất bình quân đạt 5-6 tấn/ha để đảm bảo lương thực trong gia đình và phục vụ chăn nuôi; thực hiện có hiệu quả việc giao khoán quản lý bảo vệ rừng, kết hợp với việc quản lý, nuôi dưỡng và tận thu các lâm sản phụ từ rừng như mật ong, xoay, trám, sa nhân, các loại nấm... để nâng cao thu nhập; chú trọng công tác trồng rừng sản xuất trên diện tích đất đồi, dốc kết hợp mô hình chăn nuôi trang trại.

Vận động nhân dân phát triển mô hình chăn nuôi bò thịt, bò sinh sản: đảm bảo các hộ nuôi bò đều phải trồng cỏ, làm chuồng trại, chăm sóc, tiêm phòng định kỳ.

Phối hợp với Hợp tác xã phát triển thực hiện chuỗi liên kết sản xuất, cung ứng vật tư đầu vào và bao tiêu sản phẩm mô hình trồng Mì, Mía, Bắp, chăn nuôi. Giúp người dân đầu tư sản xuất, nâng cao thu nhập và không bị thương lái ép giá.

Hưởng ứng Cuộc vận động “*làm thay đổi nếp nghĩ cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững*”,.

12. Tiêu chí số 12 – Lao động có việc làm

Hiện trạng:

Số lao động trong độ tuổi 180, chiếm 100% so với tổng số dân trong độ tuổi lao động.

Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt 100%.

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2019-2020: **Đạt**.

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2021-2025: Chưa Đạt.

Giải pháp:

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, phối hợp mở các lớp đào tạo nghề ngắn hạn như thợ xây... tạo nguồn kiến thức ban đầu cho các đối tượng trong độ tuổi lao động để tìm việc làm.

Quan tâm tạo điều kiện để các đối tượng tham gia học nghề có việc làm, làm tốt công tác giới thiệu việc làm.

13. Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất

Hiện trạng:

13.1. Có tổ hợp tác được thành lập theo đúng quy định và hoạt động có hiệu quả.

Làng có tổ hợp tác cánh đồng lớn chuyên canh về cây mía, được thành lập theo đúng quy định. Tuy nhiên hiện tại cánh đồng lớn chuyên canh cây mía hết chu kỳ nên việc hoạt động của tổ hợp tác trồng cây mía không còn hoạt động.

13.2. Có mô hình liên kết sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn, làng theo định hướng của chương trình mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển du lịch cộng đồng

Làng Đăkông có mô hình liên kết sản xuất với HTX NN & Dịch vụ Xây dựng trong việc liên kết bao tiêu sản phẩm gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực về cánh đồng lớn chuyên canh cây mía:

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2019-2020: Đạt.

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2021-2025: Chưa Đạt

Nguyên nhân:

Các tổ hợp tác chưa phát huy hiệu quả trong hợp tác phát triển cánh đồng lớn, chuyên canh về cây mía, thụ động trong hợp tác. Các mô hình liên kết với HTX chưa phát huy hiệu quả trong công tác tuyên truyền vận động nhân dân tái canh vụ, cây trồng chưa phát huy lợi thế về chuyên canh cánh đồng lớn, chưa tạo sản phẩm chủ lực được được đăng ký thương hiệu và bảo hộ thương hiệu.

Giải pháp

Tổ chức rà soát, vận động hộ dân tiếp tục thành lập tổ hợp tác về sản xuất, chăn nuôi, phát huy các chương trình hỗ trợ khuyến nông, khuyến công.

Khuyến khích tổ hợp tác phát triển sản xuất, kinh doanh hiệu quả trên cơ sở thực hiện các hình thức liên kết sản xuất theo cơ chế, chính sách hiện hành phù hợp với thực tế và chỉ đạo lồng ghép vốn các chương trình, dự án hỗ trợ về phát triển sản xuất của ngành nông nghiệp, ưu tiên hỗ trợ cho tổ hợp tác. Tiếp tục khuyến khích chuyển đổi, hỗ trợ sản xuất cho kinh tế hộ có điều kiện tham gia vào các mô hình sản xuất liên kết và tổ hợp tác, hợp tác xã.

Xác định lại loại cây trồng, vật nuôi, sản phẩm chủ lực của làng chủ để có kế hoạch đầu tư, liên kết sản xuất tiến tới xây dựng hàng hóa, tạo sản phẩm OCOP.

14. Tiêu chí số 14 - Giáo dục và đào tạo

Hiện trạng

14.1. phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở:

14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở:

Tỷ lệ học sinh mẫu giáo đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt trên 80%.

14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở của thôn, làng được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề $\geq 70\%$.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề): 7/10 em đạt 70%.

14.3. Tỷ lệ lao động của thôn, làng có việc làm đã qua đào tạo $\geq 25\%$.

Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo: 55/187 người đạt 29.41 %

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2019-2020: **Đạt.**

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2021-2025: **Đạt**

Giải pháp

Các đoàn thể làng làm tốt công tác tuyên truyền, vận động 100% trẻ em trong độ tuổi đi học mầm non và tiểu học đều đặn; vận động các em học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề, phấn đấu tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học THPT, bổ túc, học nghề đạt từ 70% trở lên.

Quan tâm tạo điều kiện để các đối tượng tham gia học nghề có việc làm, làm tốt công tác giới thiệu việc làm

. 15. Tiêu chí số 15 - Y tế

Hiện trạng

15.1. Tỷ lệ người dân trong thôn, làng tham gia các loại hình bảo hiểm y tế $\geq 85\%$.

+ Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 366/366 người đạt 100%

15.2. Thôn, làng có 01 nhân viên y tế được đào tạo về chuyên môn y tế ít nhất 3 tháng và đang hoạt động.

+ 01 cán bộ y tế thôn bản được cấp giấy chứng nhận đã qua đào tạo chuyên môn.

15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng.

+ Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm vắc xin 0/8 trẻ đạt 100%

15.4. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi của thôn, làng bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 31,4\%$.

+ Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): 0/23 đạt 100%.

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2019-2020: **Đạt.**

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2021-2025: **Đạt**

Giải pháp:

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị tuyên truyền lợi ích khi tham gia bảo hiểm y tế, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế.

Phối hợp với cơ sở y tế củng cố, kiện toàn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao năng lực cho cán bộ y tế thôn bản.

Tuyên truyền, vận động người dân quan đưa con em đến cơ sở y tế, cơ sở văn hóa tại các thôn làng để được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng do trạm y tế triển khai thực hiện.

Tuyên truyền, vận động người dân quan tâm đến chế độ dinh dưỡng của bà mẹ mang thai và trẻ em dưới 5 tuổi.

Tiêu chí số 16 - Văn hóa

Hiện trạng

Thôn, làng và gia đình phải đạt chuẩn văn hóa theo quy định

Làng ĐăkKông được UBND huyện công nhận làng văn hóa. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa theo quy định 68/78 hộ đạt tỷ lệ 87,17 %.

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2019-2020: **Đạt.**

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2021-2025: **Đạt**

Giải pháp

Tuyên truyền, vận động người dân thực hiện nếp sống văn hóa ở khu dân cư, không mê tín dị đoan, thực hiện vệ sinh môi trường, thực hiện tốt danh hiệu gia đình văn hóa...đảm bảo giữ vững danh hiệu thôn, làng văn hóa.

Gắn các cuộc vận động “làm thay đổi nếp nghĩ cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số”, cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và các cuộc vận động “năm không ba sạch”... vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn xã để thực hiện tốt danh hiệu thôn, làng văn hóa.

Tiêu chí số 17 về môi trường.

Hiện trạng

+17.1. Tỷ lệ hộ trong thôn, làng được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch ($\geq 95\%$ nước HVS và $\geq 50\%$ nước sạch).

Số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh: 73/73 hộ đạt 100 % (trong đó số hộ sử dụng nước sạch: 35/73 hộ đạt 47,9 %).

+17.2. Các cơ sở sản xuất kinh doanh ở thôn, làng điều chấp hành đầy đủ thủ tục về môi trường.

+17.3. Các tuyến đường trong thôn, làng; nhà văn hóa, khu thể thao thường xuyên được vệ sinh Xanh - sạch – đẹp, an toàn trên các trục đường chính và khu công cộng.

Cảnh quan môi trường ở làng được chỉnh trang, trồng cây xanh xung quanh hộ gia đình, nhà văn hóa làng và các địa điểm công cộng như trường mẫu giáo và dọc trục đường làng. Đường làng ngõ xóm thường xuyên được dọn vệ sinh sạch sẽ, tại các khu vực công cộng không có hiện tượng xả nước thải, chất thải gây mất mỹ quan. Trục đường làng được lắp hệ thống điện thấp sáng giúp người dân đi lại, sinh hoạt dễ dàng và an ninh trật tự được bảo đảm. Số hộ đã thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào, cổng ngõ 72/78 hộ đạt 92,3%.

+17.4. Về nghĩa địa khu vực chôn cất của thôn, làng: phải phù hợp với phong tục tập quán của địa phương; đảm bảo khoảng cách tối thiểu từ nghĩa địa đến khu dân cư trong thôn, làng, tối thiểu là 100m; trường hợp là nghĩa địa của thôn, làng đã hình thành từ lâu đời không đảm bảo khoảng cách tối thiểu 100m cần phải được cải tạo, nâng cấp có hàng rào ngăn, hệ thống cây xanh và mương thoát nước. khuyến khích việc chôn cất tập trung; nghĩa địa có dải phân cách cây xanh để tạo mỹ quan và môi trường. Chất thải phát sinh từ các hoạt động ở nghĩa địa phải được thu gom, vận chuyển xử lý đảm bảo môi trường.

Xã đã quy hoạch, thực hiện cấm mốc, xây dựng và ban hành quy chế quản lý nghĩa trang, các làng đồng bào dân tộc thiểu số đều có nghĩa trang riêng phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa

+ 17.5. Thôn, làng có tổ thu gom rác thải hoặc 100% hộ gia đình có hồ thu gom xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình, không còn tình trạng rác thải vứt bừa bãi ra ngoài môi trường; bao gói thuốc BVTV sau sử dụng được thu gom, xử lý đúng theo quy định.

17.6. Tỷ lệ hộ trong thôn, làng có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh $\geq 80\%$.

Tỷ lệ có nhà tiêu hợp vệ sinh là 70/78 đạt 89,7%, hộ có nhà tắm hợp vệ sinh là 70/73 đạt 98,6%, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh 50/78 đạt 64,1%, hộ đảm bảo 3 sạch theo chương trình “5 không 3 sạch” 73/78 đạt 93,5%.

+17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, không còn tình trạng chăn nuôi dưới sàn $\geq 70\%$.

Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: 57/78 hộ đạt 73,0%

+17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm được hướng dẫn, phổ biến các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

Có 78/78 hộ gia đình được phổ biến, hướng dẫn các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

+17.9. Thôn, làng có ít nhất 70 % hộ hội viên, phụ nữ tham gia thực hiện cuộc vận động “xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” và có mô hình “chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới”.

Làng Xây dựng hương ước, quy ước về giữ gìn vệ sinh môi trường, thực hiện tốt phong trào “5 không 3 sạch.

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2019-2020: **Chưa Đạt.**

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2021-2025: **Chưa Đạt**

Giải pháp

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp sửa chữa hệ thống nước tự chảy, giếng nước tập thể cho làng nhằm đảm bảo nguồn nước phục vụ cho nhu cầu của nhân dân. Vận động nhân dân làm bể chứa dùng lọc lắng nguồn nước đảm bảo nước sạch để sử dụng.

Làng không có cơ sở sản xuất kinh doanh.

Xây dựng kế hoạch tuyên truyền vận động nhân dân chỉnh trang đường làng, ngõ xóm đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp.

Việc chôn cất người chết được thực hiện theo phong tục tập quán của người địa phương, và tập trung, vận động nhân dân làng giữ gìn vệ sinh môi trường ; trồng cây xanh.

Triển khai vận động hộ gia đình đào hố rác, rác thải sinh hoạt từng hộ gia đình được thu gom tập trung và tự xử lý tại hố rác.

Vận động người dân xây dựng chỉnh trang nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.

Tổ chức tuyên truyền vận động hộ dân làm chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường trong chăn nuôi. Không còn tình trạng chăn nuôi gia súc, gia cầm dưới sàn nhà.

Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn; phổ biến kiến thức về quy định đảm bảo an toàn thực phẩm cho hộ gia đình theo Quyết định số 37/QĐ-ATTP ngày 02/02/2015 của cục an toàn thực phẩm; Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Thủ tướng Chính Phủ).

Xây dựng hương ước, quy ước về giữ gìn vệ sinh môi trường, thực hiện tốt phong trào “5 không 3 sạch.

Hệ thống chính trị - quốc phòng – an ninh

Tiêu chí số 18: Về hệ thống chính trị, bình đẳng giới và tiếp cận pháp luật:

Hiện trạng :

+18.1. Có đủ các tổ chức trong thôn, làng theo quy định (gồm chi bộ, Ban công tác mặt trận, chi hội cựu chiến binh, chi hội nông dân, chi hội liên hiệp phụ nữ, chi đoàn thanh

niên) kết quả phân loại chi bộ thôn, làng hằng năm đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong thôn, làng hằng năm được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên”.

Hệ thống chính trị ở làng đã được kiện toàn gồm tổ chức chi bộ, làng và tổ các hội đoàn thể gồm: Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội Cựu chiến binh xã. Năm 2021 chi bộ, làng đạt trong sạch vững mạnh, các hội đoàn thể đạt loại khá trở lên.

+18.2. Có Ban phát triển thôn, làng hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND cấp xã công nhận.

Thành lập và kiện toàn Ban phát triển làng và hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND xã công nhận.

+18.3. Có quy ước, hương ước thôn, làng được trên 95% người dân thông qua và cam kết thực hiện.

Hương ước, quy ước của làng được xây dựng và thông qua dự thảo tại cuộc họp làng và 100% hộ gia đình thống nhất, đồng thời trình cấp trên ký, ban hành thực hiện.

+ 18.4. Có kế hoạch thực hiện từng tiêu chí chỉ hằng năm và cả giai đoạn trên cơ sở có sự tham gia của cộng đồng và được UBND cấp xã xác nhận, (bản kế hoạch giai đoạn 2018-2020 và lộ trình từng năm phải đánh giá đầy đủ hiện trạng thôn, làng; các nguồn nội lực của thôn, làng; dự toán kinh phí thực hiện trong đó có sự tham gia đóng góp của cộng đồng).

Việc đăng ký làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi đã được các cấp phê duyệt Ban phát triển làng đã tiến hành rà soát, đánh giá hiện trạng cụ thể từng tiêu chí, có sự tham gia đóng góp ý kiến của cộng đồng dân cư. Trên cơ sở bảng đăng ký làng đạt chuẩn làng nông thôn

+ 18.5. Có 100% phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số có nhu cầu, được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức. không có trường hợp bị cưỡng ép kết hôn, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. Trong thôn, làng không có bạo lực gia đình.

Về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình: có 100% phụ nữ thuộc diện hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số và phụ nữ khuyết tật có nhu cầu được vay vốn ngân hàng chính sách để phát triển kinh tế đạt 100%; trên địa bàn xã không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn.

+ 18.6. Nhân dân thôn, làng được tiếp cận pháp luật: trên 80% người dân được tuyên truyền, phổ biến, tiếp cận nội dung trọng tâm của các văn bản, chính sách pháp luật mới có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của người dân; được thông tin, định hướng các vấn đề được xã hội quan tâm; được tiếp nhận, khai thác và sử dụng có hiệu quả các tài liệu chuyên đề phổ biến giáo dục pháp luật do các cơ quan cấp tỉnh, huyện, cấp xã phát; thường xuyên lồng ghép chuyên đề pháp luật trong các buổi họp thôn, làng; tổ hòa giải ở cơ sở của thôn, làng được thành lập, thường xuyên kiện toàn và hoạt động có hiệu quả; 100% các vụ việc hòa giải ở cơ sở được tiếp nhận, giải quyết với trên 80% vụ việc được hòa giải.

Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định được UBND huyện phê duyệt theo Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 31/01/2019.

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2019-2020: **Đạt.**

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2021-2025: **Đạt**

Giải pháp

Quan tâm đến công tác kiện toàn đầy đủ các tổ chức chính trị trong làng. Đồng thời chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ lý luận chính trị cho cán bộ làng. Xây dựng củng cố chi bộ, tập thể làng và các ban ngành đoàn thể làng hàng năm đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ; các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong làng hàng năm được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

Thành lập và kiện toàn Ban phát triển làng và hoạt động theo quy chế do công đồng bầu và được UBND xã công nhận.

Hương ước, quy ước của làng được xây dựng và thông qua dự thảo tại cuộc họp làng và 100% hộ gia đình thống nhất, đồng thời trình cấp trên ký, ban hành thực hiện.

Trên cơ sở bảng đăng ký làng đạt chuẩn làng nông thôn mới UBND xã hợp đánh giá và thống nhất có văn bản đề nghị đăng ký làng đạt chuẩn làng nông thôn mới gửi UBND huyện và tiến hành đề nghị làng xây dựng kế hoạch đánh giá hiện trạng để triển khai và có lộ trình thực hiện hàng năm cụ thể được UBND xã phê duyệt. Bên cạnh đó bố trí nguồn lực vốn và mức huy động tham gia đóng góp của nhân dân có phương án và thống nhất triển khai thực hiện.

Làng có 100% phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số được ưu tiên tạo điều kiện cho vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức. Không có trường hợp bị cưỡng ép kết hôn và tảo hôn. Trong làng không có bạo lực gia đình, không có hôn nhân cận huyết thống. Có kế hoạch phối hợp với UBMTTQVN và các đoàn thể xã tuyên truyền về bình đẳng giới, thường xuyên nắm bắt thông tin tại làng để đảm bảo bình đẳng giới, hỗ trợ và bảo vệ kịp thời đối với những đối tượng dễ bị tổn thương như phụ nữ, trẻ em, người già trong làng. Không có trường hợp bị cưỡng ép kết hôn và tảo hôn. Trong làng không có bạo lực gia đình. Xây dựng ít nhất 01 địa chỉ tin cậy để các nạn nhân bạo lực gia đình lánh nạn. Bố trí địa điểm lánh nạn tại nhà văn hóa làng.

Hàng năm UBND xã có Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến nhân dân về các văn bản, Nghị định của Chính Phủ và các chính sách pháp luật mới có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của người dân và các vấn đề xã hội cần được quan tâm, bằng hình thức tuyên truyền miệng, hình ảnh, cấp phát các tờ rơi, đài phát thanh xã. Tổ hòa giải ở làng có 1 tổ hòa giải gồm 3 thành viên, hàng tháng được hỗ trợ kinh phí hoạt động 100.000đ/tháng đồng thời được hỗ trợ 200.000đ/ vụ việc khi có vụ việc hòa giải xảy ra. 100% các vụ việc hòa giải ở cơ sở được tiếp nhận, giải quyết với trên 80% vụ việc được hòa giải.

Tiêu chí số 19. Quốc phòng và An ninh.

Hiện trạng:

+19.1. Quốc phòng: Lực lượng dân quân được bố trí theo quy định và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

Về lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng cơ sở: Hàng năm Đảng ủy xã ban hành Nghị quyết về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng; UBND xã ban hành kế hoạch triển khai công tác quân sự, quốc phòng. Hàng năm triệu tập lực lượng dân quân làng tham gia huấn luyện, trực sẵn sàng chiến đấu... Về xây dựng dân quân tự vệ làng gồm: 01 thôn đội trưởng, 03 đồng chí dân quân tự vệ. Số quân nhân dự bị động viên người được đăng ký chặt chẽ và sẵn sàng động viên khi có lệnh.

Công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân và việc đăng ký nghĩa vụ quân sự công dân nam trong độ tuổi gọi nhập ngũ được quan tâm và lập danh sách báo cáo Ban chỉ huy quân sự cấp huyện theo quy định.

19.2. An ninh: Trật tự xã hội trên địa bàn thôn, làng bình yên không có tụ điểm phức tạp về trật tự an toàn xã hội; không để hình thành, phục hồi các tổ chức phản động; không để xảy ra các hoạt động chống phá đảng, nhà nước; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, người nghiện) được kiểm chế giảm so với năm trước; công an viên, lực lượng an ninh thôn, làng được củng cố vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không vi phạm pháp luật, không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; các mô hình tổ chức quần chúng làm công tác đảm bảo ANTT tại thôn, làng hoạt động thường xuyên có hiệu quả.

Trong làng không để xảy ra trọng án, không có công dân phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác giảm so với năm 2019; không có cháy nổ, tai nạn giao thông nghiêm trọng. Công an viên làng hàng năm được bình xét hoàn thành tốt nhiệm vụ. Làng có mô hình tổ tự quản về ANTT và trật tự ATGT nhằm đảm bảo ANTT trong làng và tổ chức hoạt động thường xuyên có hiệu quả. Năm 2021, làng được công nhận đạt chuẩn an toàn về ANTT.

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2019-2020: **Đạt.**

→ Đánh giá theo quy định xây dựng làng NTM giai đoạn 2021-2025: **Đạt**

Giải pháp

Triển khai thực hiện các các chỉ tiêu, giải pháp đảm bảo an ninh quốc phòng trên làng.

- Các nội dung đã thực hiện:

Xây dựng và củng cố lực lượng thôn đội trưởng, dân quân làng.

IV. Phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên Ban quản lý, Ban phát triển làng:

1. Ban quản lý CT MTQG xã:

Rà soát, hệ thống văn bản chỉ đạo, cơ chế chính sách và hướng dẫn của Trung ương, tỉnh, huyện liên quan đến chương trình xây dựng làng nông thôn mới, cập nhật phổ biến cho các ban ngành đoàn thể, cán bộ công chức xã, Ban phát triển làng triển khai thực hiện có hiệu quả.

Đề xuất cơ chế, chính sách thích hợp và đủ mạnh để thực hiện khuyến khích đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, huy động các nguồn lực xây dựng làng nông thôn mới.

Kiểm tra việc quản lý điều hành việc thực hiện nội dung của chương trình nông thôn mới trên phạm vi địa bàn xã; tổ chức xây dựng quy hoạch, đề án, kế hoạch tổng thể và kế hoạch đầu tư hàng năm xây dựng nông thôn mới của xã, lấy ý kiến cộng đồng dân cư trong toàn xã, lấy ý kiến các cộng đồng dân cư trong toàn xã và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; ban giám sát tham gia thực hiện, giám sát các hoạt động thực thi các dự án đầu tư trên địa bàn xã.

Rà soát lại từng nội dung, phân công nhiệm vụ lại từng nội dung công việc cho các thành viên Ban Quản lý. Kiện toàn lại tổ công tác thực hiện việc rà soát, đánh giá thực trạng làng nông thôn mới.

2. Công chức Địa chính - xây dựng:

Chủ trì tham mưu, theo dõi tiêu chí số 1, số 2, số 4, số 9 và số 17.4:

Tham mưu cho UBND xã tiến hành rà soát lại các tiêu chí, tiêu chí thành phần được phân công, tham mưu các giải pháp, biện pháp để duy trì, giữ vững các tiêu chí đã đạt được trong năm 2021.

Chủ động phối hợp với các ban ngành đoàn thể, công chức có liên quan thực hiện tiêu chí về nhà ở; đặc biệt là các hộ mới phát sinh về nhà tạm, hộ chưa hoàn thiện sửa chữa nhà

tạm, tiến hành vận động, hướng dẫn hộ dân thực hiện. Đồng thời chỉnh trang lại các công trình phụ trợ như nhà bếp, nhà tắm nhà vệ sinh; đào hố rác; làm hàng rào, cổng ngõ, trồng cây xanh...

3. Công chức Nông nghiệp và Môi trường:

- Chủ trì tham mưu, theo dõi tiêu chí số 3, số 10; số 13 và số 17:
- Tham mưu cho UBND xã tiến hành rà soát lại các tiêu chí, tiêu chí thành phần được phân công, tham mưu các giải pháp, biện pháp để duy trì, giữ vững các tiêu chí đã đạt được trong năm 2021.

- + Đối với tiêu chí thu nhập:

- Hàng năm chủ động xây dựng kế hoạch và phối hợp tổ chức rà soát, điều tra thu nhập trên địa bàn làng Đăk Kjong.

- + Đối với tiêu chí tổ chức sản xuất :

- Chủ động tham mưu nội dung nâng cao chất lượng các tổ nhóm sở thích về trồng trọt và chăn nuôi, vận động hộ dân thành lập các tổ hợp tác về chăn nuôi, sản xuất và hướng dẫn các hộ dân, liên kết sản xuất với hợp tác xã để thực hiện tiêu thụ một số nông sản.

- Tuyên truyền hướng dẫn nhân dân chuyển đổi giống cây trồng vật nuôi kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng có năng suất, chất lượng để xóa đói, giảm nghèo.

- + Đối với tiêu chí về môi trường và An toàn thực phẩm:

- Tỷ lệ hộ trong thôn, làng được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch: $\geq 95\%$ nước HVS và $\geq 50\%$ nước sạch

- Tham mưu cho UBND xã tiến hành sửa chữa lại hệ thống nước tự chảy; giếng nước sinh hoạt tập trung của làng nhằm đảm bảo nguồn nước sinh hoạt, đồng thời nâng cao chất lượng nước để đảm bảo cho nhân dân sử dụng.

- Vận động, hướng dẫn nhân dân cải thiện nguồn nước sinh hoạt nhằm đảm bảo hợp vệ sinh bằng cách đưa nước vào bồn lắng, bể lắng có hệ thống lọc đảm bảo hợp vệ sinh và nước sạch.

- Tham mưu UBND xã tiến hành lấy mẫu nước để xét nghiệm mẫu nước để đạt chuẩn theo quy định so với tiêu chí

4. Công chức Văn hóa- xã hội xã:

- Chủ trì tham mưu, theo dõi tiêu chí số 6, số 8 số 16; 18.3

- Tham mưu cho UBND xã tiến hành rà soát lại các tiêu chí, tiêu chí thành phần được phân công, tham mưu các giải pháp, biện pháp để duy trì, giữ vững các tiêu chí đã đạt được trong năm 2021.

5. Công chức LĐTB &XH xã:

- Chủ trì tham mưu, theo dõi tiêu chí số 11, số 12 và số 15.

- Tham mưu cho UBND xã tiến hành rà soát lại các tiêu chí, tiêu chí thành phần được phân công, tham mưu các giải pháp, biện pháp để duy trì, giữ vững các tiêu chí đã đạt được trong năm 2021.

- Hàng năm Xây dựng kế hoạch giảm nghèo đối với làng Đăk Kjong, có kế hoạch cụ thể, chi tiết từng hộ.

6. Công chức Tư pháp- hộ tịch xã:

- Chủ trì tham mưu, theo dõi tiêu chí số 18 (cụ thể là 18.5; 18.6).

- Tham mưu cho UBND xã tiến hành rà soát lại các tiêu chí, tiêu chí thành phần được phân công, tham mưu các giải pháp, biện pháp để duy trì, giữ vững các tiêu chí đã đạt được trong năm 2021.

- Chủ động xây dựng kế hoạch tiếp tục tuyên truyền về Chỉ thị số 12- CT/TU ngày 13/02/2018 của Ban thường vụ tỉnh ủy “*về xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh*” tại Làng ĐăkJông, phối hợp với Mặt trận và các đoàn thể xã tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia phong trào xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào DTTS.

7. Công chức Văn phòng – Thống kê xã:

- Chủ trì tham mưu, theo dõi tiêu chí số 18 (18.1).

- Tham mưu cho UBND xã tiến hành rà soát lại các tiêu chí, tiêu chí thành phần được phân công, tham mưu các giải pháp, biện pháp để duy trì, giữ vững các tiêu chí đã đạt được trong năm 2021.

- Đối với tiêu chí hệ thống chính trị: tiếp tục chủ động tham mưu củng cố kiện toàn hệ thống chính trị của làng, tổ chức đánh giá phân loại vào cuối năm 2022.

8. Trạm Y tế xã :

- Phối hợp với công chức Lao động TB - XH; đồng thời chủ trì thực hiện thực hiện tiêu chí số 15 (15.2; 15.3; 15.4).

- Tham mưu cho UBND xã tiến hành rà soát lại tiêu chí được phân công, tham mưu các giải pháp, biện pháp để duy trì, giữ vững các tiêu chí đã đạt được trong năm 2021.

9. Trường Mẫu giáo Lơ Ku:

- Phối hợp với công chức văn hóa - XH; thực hiện thực hiện tiêu chí số 5 và tiêu chí số 14.

- Tổng hợp đề xuất phòng giáo dục bố trí kinh phí làm sân bê tông xi măng tại điểm trường làng, trang thiết bị dạy và học.

10. Công chức Tài chính - Kế toán xã:

- Chủ động tham mưu đề xuất bố trí các nguồn kinh phí để ưu tiên xây dựng hoàn thiện các nội dung, tiêu chí xây dựng làng ĐăkJông đạt làng nông thôn mới.

11. Công an xã:

- Chủ trì tham mưu, theo dõi tiêu chí số 19.2 (lĩnh vực an ninh trật tự):

- Tham mưu cho UBND xã tiến hành rà soát lại các tiêu chí, tiêu chí thành phần được phân công, tham mưu các giải pháp, biện pháp để duy trì, giữ vững các tiêu chí đã đạt được trong năm 2021.

12. Ban chỉ huy Quân sự xã:

- Chủ trì tham mưu, theo dõi tiêu chí số 19.1 (lĩnh vực quốc phòng- quân sự địa phương).

- Tham mưu cho UBND xã tiến hành rà soát lại các tiêu chí, tiêu chí thành phần được phân công, tham mưu các giải pháp, biện pháp để duy trì, giữ vững các tiêu chí đã đạt được trong năm 2021.

13. Đề nghị UBMTTQ và các tổ chức Đoàn thể xã:

- *Đối với Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã*

Tăng cường vận động toàn dân tham gia xây dựng nông thôn mới, góp phần chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đồng thời tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát của UBMTTQ. Đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, cuộc vận động làm thay đổi nếp nghĩ cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số để vươn lên thoát nghèo bền vững gắn với phong trào thi đua Kbang chung sức chung lòng xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục rà soát những hộ mới phát sinh, vận động các hộ dân làm mới hoặc sửa chữa nhà tắm, nhà vệ sinh để sử dụng có hiệu quả đảm bảo vệ sinh môi trường trong làng. Tiêu chí số 9 (9.2)

- Đối với Hội nông dân xã:

+ Phối hợp với UBND xã tổ chức thực hiện các phong trào thi đua lao động sản xuất, vận động các hộ dân trong làng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, hướng dẫn nhân dân áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Chú trọng hướng dẫn nhân dân chăm sóc cây trồng tại cánh đồng lúa ĐăkJăng, mở rộng diện tích cây mì, mía, cây ăn trái ... Tổ chức nhân rộng và phát huy hiệu quả các mô hình do hội nông dân phụ trách như mô hình nuôi bò sinh sản, kết hợp mô hình trồng cỏ. Tiêu chí số 10;12;13

+ Chủ trì trong việc vận động hội viên, nhân dân làm mới, sửa chữa chuồng trại, phù hợp với VSMT. Tiêu chí số 17(17.7).

- Đối với Hội phụ nữ xã:

+ Tiếp tục vận động hội viên phụ nữ tích cực tham gia phong trào “5 không 3 sạch”. Có mô hình Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới”.

+ Vận động chị em thường xuyên dọn dẹp vệ sinh trong khuôn viên nhà ở, cải tạo vườn trồng cỏ, trồng rau hoặc trồng cây ăn trái có giá trị để cải thiện cuộc sống.

+ Thường xuyên nắm bắt thông tin tình hình hội viên để hỗ trợ kịp thời các đối tượng bị bạo lực gia đình hoặc các đối tượng người già, trẻ em.

+ Chủ trì trong việc vận động hội viên, nhân dân làm hàng rào, cổng ngõ.
Tiêu chí số 17.(17.6; 17.9)

- Đối với Đoàn Thanh niên xã:

+ Đẩy mạnh phong trào thanh niên chung tay xây dựng nông thôn mới, thanh niên lập nghiệp, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Chủ trì trong việc vận động đoàn viên tham gia phát động phong trào trồng cây xanh, trồng cây xanh dọc 2 bên đường làng và vận động đoàn viên, thanh niên thường xuyên dọn dẹp xử lý rác ở những nơi công cộng và các hộ dân, tạo cảnh quan sạch đẹp trong làng. Vận động nhân dân xây dựng bể chứa nước sinh hoạt hoặc trang bị các phuy nước để lọc lắng, đào hố rác. Tiêu chí số 17.(17.3; 17.5)

- Đối với Hội cựu chiến binh xã:

+ Vận động hội viên nêu gương trong việc bảo vệ an ninh trật tự, giáo dục thế hệ trẻ, thực hiện nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, phát triển kinh tế gia đình, xóa đói giảm nghèo.

+ Vận động hội viên tích cực tham gia các phong trào do UBMTTQVN và các đoàn thể xã phát động.

+ Phối hợp với hội nông dân trong việc vận động hội viên, nhân dân làm mới, sửa chữa chuồng trại, phù hợp với VSMT. Tiêu chí số 17(17.7).

14. Đối với Ban phát triển làng Đăk Kjong:

Tổ chức họp dân để tuyên truyền, phổ biến cho người dân hiểu rõ về chủ trương, cơ chế chính sách, phương pháp ; các quyền lợi và nghĩa vụ của người dân, công đồng thôn trong quá trình xây dựng NTM. Tổ chức các hoạt động hỗ trợ các hộ nghèo và giúp nhau phát triển kinh tế tăng thu nhập, giảm nghèo. Tự giám sát cộng đồng các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn thôn. Đảm bảo an ninh, trật tự thôn xóm; xây dựng và tổ chức thực hiện hương ước thôn, làng.

Bí thư chỉ bộ tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo các chi hội đoàn thể ở làng tập trung tuyên truyền vận động và huy động nhân dân tích cực tham gia phong trào xây dựng làng nông thôn mới.

Qua rà soát 19 tiêu chí về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 làng Đăk Jông đã đạt 13 tiêu chí, gồm: tiêu chí số 1,2,3,4,6,7,8,12,14,15,16,18 và 19. Còn 6 tiêu chí chưa đạt, gồm: tiêu chí số 5,9,10,11,10 và 17.

Trên đây là kế hoạch xây dựng làng Đăk Jông đạt “làng nông thôn mới” trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Lơ Ku.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh Gia Lai (đơn vị giúp đỡ xã về XDNTM);
- UBND huyện;
- Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện;
- Phòng TC- KH huyện;
- Phòng NN& PTNT huyện;
- Văn phòng ĐPXDNTM huyện;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Mặt trận và các đoàn thể xã;
- Ban phát triển làng Đăk Jông;
- Lưu Vp

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Hồ Xuân Dương